

- 2 endodontic rotary motors with integrated apex locator. Journal of endodontics. 2017. 43(10): p. 1716-1719.
5. **Jakobson SJM, Westphalen VPD, da Silva Neto UX, Fariniuk LF, Picoli F, Carneiro E,** The accuracy in the control of the apical extent of rotary canal instrumentation using Root ZX II and ProTaper instruments: an in vivo study. Journal of endodontics, 2008. 34(11): p. 1342-1345.
 6. **Kishore N, Varma M, Girija SS, Kalyan S, Raheem M, Anitha V,** Evaluation of the accuracy of working length determination and automatic apical reverse function accuracy of endodontic rotary motor integrated apex locator: an in-vitro study. International Journal of Dental Materials, 2020. 2(1): p. 1-4.
 7. **Ricucci D, Langeland K,** Apical limit of root-canal instrumentation and obturation, part 2. A histological study. International endodontic journal, 1998. 31(6): p. 394-409.
 8. **Vasconcelos Bruno Carvalho, Bastos Luzia Mesquita, Oliveira Ariany Souza,** Changes in root canal length determined during mechanical preparation stages and their relationship with the accuracy of Root ZX II. Journal of endodontics, 2016. 42(11): p. 1683-1686.

PHÂN TÍCH MỘT SỐ YẾU TỐ LIÊN QUAN ĐẾN KIẾN THỨC VÀ THỰC HÀNH VỀ PHÒNG CHỐNG SỐT XUẤT HUYẾT CỦA NGƯỜI DÂN THÀNH PHỐ NGÃ BẢY TỈNH HẬU GIANG NĂM 2023

Nguyễn Minh Khang¹, Trần Đỗ Thanh Phong¹

TÓM TẮT

Mục tiêu: (1) Xác định tỷ lệ người dân có kiến thức và thực hành đúng về việc phòng chống bệnh sốt xuất huyết. (2) Tìm hiểu một số yếu tố liên quan đến kiến thức và thực hành đúng về việc phòng chống bệnh sốt xuất huyết. **Đối tượng nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu:** nghiên cứu mô tả cắt ngang có phân tích trên 537 người dân tại thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang năm 2023. **Kết quả:** Tỷ lệ người dân có kiến thức đúng về bệnh sốt xuất huyết là 68% và chưa đúng là 32%. Tỷ lệ người dân thực hành đúng về phòng ngừa bệnh sốt xuất huyết dengue là 61% và chưa đúng là 39%. Có mối liên quan giữa tuổi và truyền thông đối với kiến thức phòng chống Sốt xuất huyết của người dân, cụ thể những người dưới 60 tuổi có tỷ số chênh kiến thức đúng cao hơn 2,52 lần so với người trên 60 tuổi (OR = 2,52; KTC 95%: 1,71 - 3,72) và những người được truyền thông có tỷ số chênh kiến thức đúng cao hơn 5,75 lần so với nhóm không được truyền thông (OR = 5,72ccc KTC 95%: 1,7 - 18,5). Sự khác biệt giữa các nhóm có ý nghĩa thống kê ($P < 0,05$). Có mối liên quan giữa truyền thông và thực hành của người dân. Cụ thể, người dân được tiếp cận truyền thông có tỷ lệ thực hành đúng cao hơn (62,2%) so với người không tiếp cận (35,7%), với OR = 2,958 và $P = 0,045$, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($P = 0,045$). Có mối liên quan giữa kiến thức và thực hành về phòng chống Sốt xuất huyết của người dân, cụ thể những người có kiến thức đúng có số chênh thực hành đúng cao hơn 1,68 lần người có kiến thức chưa đúng, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($P = 0,006$). **Từ khóa:** Kiến thức, thực hành, phòng chống, sốt xuất huyết Dengue.

SUMMARY

ANALYSIS OF SOME FACTORS RELATED TO KNOWLEDGE AND PRACTICE ON DENGUE FEVER PREVENTION OF PEOPLE IN NGA BAY CITY, HAU GIANG PROVINCE IN 2023

Objectives: (1) Determine the proportion of people with correct knowledge and practice on dengue fever prevention. (2) Study some factors related to knowledge and correct practice on dengue fever prevention. **Research subjects and research methods:** Cross-sectional descriptive study with analysis on 537 people in Nga Bay City, Hau Giang Province in 2023. **Results:** The proportion of people with correct knowledge about dengue fever is 68% and incorrect is 32%. The proportion of people with correct practice on dengue fever prevention is 61% and incorrect is 39%. There is a relationship between age and communication on people's knowledge of dengue prevention, specifically people under 60 years old have a 2.52 times higher odds of correct knowledge than people over 60 years old (OR = 2.52; 95% CI: 1.71 - 3.72) and people who receive communication have a 5.75 times higher odds of correct knowledge than the group that does not receive communication (OR = 5.72; 95% CI: 1.7 - 18.5). The difference between the groups is statistically significant ($P < 0.05$). There is a relationship between communication and people's practice. Specifically, people who have access to communication have a higher rate of correct practice (62.2%) than those who do not (35.7%), with OR = 2.958 and $P = 0.045$, the difference is statistically significant ($P = 0.045$). There is a relationship between knowledge and practice of dengue prevention of the people, specifically those with correct knowledge have a difference of correct practice 1.68 times higher than those with incorrect knowledge, the difference is statistically significant ($P = 0.006$).

Keywords: Knowledge, practice, prevention, Dengue fever.

¹Trường Đại học Võ Trường Toản

Chịu trách nhiệm chính: Nguyễn Minh Khang

Email: 2515672961@stu.vttu.edu.vn

Ngày nhận bài: 3.3.2025

Ngày phản biện khoa học: 11.4.2025

Ngày duyệt bài: 13.5.2025

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hiện nay, Sốt xuất huyết Dengue trở thành một vấn đề sức khỏe cộng đồng của hơn 125 nước trên thế giới, ước tính mỗi năm trên thế giới có khoảng 390 triệu người nhiễm vi-rút dengue với khoảng 96 triệu người có biểu hiện lâm sàng. Tại Việt Nam là một trong năm nước có gánh nặng Sốt xuất huyết Dengue cao nhất khu vực Châu Á – Thái Bình Dương, theo thống kê của Bộ Y tế, năm 2023 cả nước ghi nhận hơn 172.000 ca mắc Sốt xuất huyết Dengue, 43 người trong đó tử vong [5]. Vùng Đồng bằng sông Cửu Long, với hệ thống sông ngòi chằng chịt và lưu lượng nước gia tăng vào mùa mưa, tạo điều kiện thuận lợi cho muỗi sinh sản và phát triển, làm gia tăng nguy cơ bùng phát dịch Sốt xuất huyết Dengue. Trước tình hình đó, việc kiểm soát và ứng phó kịp thời với Sốt xuất huyết Dengue trở thành vấn đề cấp bách, không chỉ là trách nhiệm của ngành y tế mà còn đòi hỏi người dân phải có kiến thức và thái độ đúng đắn để chủ động phòng ngừa và điều trị bệnh. Đây chính là yếu tố then chốt trong việc nâng cao hiệu quả dự phòng, kiểm soát dịch bệnh và giảm gánh nặng do Sốt xuất huyết Dengue gây ra. Vì vậy, chúng tôi tiến hành nghiên cứu này với các mục tiêu: (1) Xác định tỷ lệ người dân có kiến thức và thực hành đúng về việc phòng chống bệnh sốt xuất huyết. (2) Tìm hiểu một số yếu tố liên quan đến kiến thức và thực hành đúng về việc phòng chống bệnh sốt xuất huyết.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu. Người dân sinh sống tại thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang.

Tiêu chuẩn chọn mẫu: Người dân từ đủ 18 tuổi trở lên đang sinh sống trên địa bàn thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang ít nhất 6 tháng. Có khả năng nghe hiểu và trả lời phỏng vấn. Đồng ý tham gia phỏng vấn.

Tiêu chuẩn loại trừ: Đối tượng mắc các bệnh về tâm thần hoặc trạng thái tâm thần không ổn định. Người bị câm, điếc, thiếu năng trí tuệ.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Thiết kế nghiên cứu: Mô tả cắt ngang có phân tích.

Cỡ mẫu: Chúng tôi tiến hành nghiên cứu trên 537 người dân tại TP.Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang.

Thời gian thực hiện nghiên cứu: Từ tháng 1/2023 đến tháng 6/2023.

Phương pháp chọn mẫu: Phương pháp chọn mẫu thuận tiện.

Nội dung nghiên cứu

- Đặc điểm chung: Tuổi, giới tính, trình độ học vấn, nghề nghiệp, điều kiện kinh tế.

- Kiến thức và thực hành về phòng chống sốt xuất huyết của người dân.

- Một số yếu tố liên quan đến kiến thức và thực hành phòng chống bệnh sốt xuất huyết của người dân tại TP.Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang.

Phương pháp xử lý và phân tích số liệu.

Số liệu sau khi thu thập, được nhập liệu và xử lý bằng chương trình SPSS 22.0.

Các biến định tính được mô tả bằng tần số và tỷ lệ (%). Sử dụng phép kiểm chi-square để kiểm định sự khác biệt giữa các nhóm. Sự khác biệt có ý nghĩa thống kê khi $P < 0,05$.

2.3. Đạo đức nghiên cứu: Nghiên cứu được tiến hành sau khi thông qua bởi Hội đồng khoa học trường Đại học Võ Trường Toản. Thông tin của đối tượng nghiên cứu được bảo mật và chỉ phục vụ mục đích nghiên cứu.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu

Bảng 1. Đặc điểm chung của dân số nghiên cứu

Đặc điểm dân số		Tần số	Tỷ lệ
Nhóm tuổi	≤ 60 tuổi	379	70,56
	> 60 tuổi	158	29,44
Giới tính	Nam	272	50,7
	Nữ	275	49,3
Trình độ học vấn	Tiểu học	168	31,3
	Trung học cơ sở	199	37,1
	THPT	120	22,3
	>THPT	50	9,3
Điều kiện kinh tế	Nghèo & Cận nghèo	17	3,2
	Không nghèo	520	96,8
Nghề nghiệp	Công chức - viên chức	30	5,6
	Công nhân	40	7,4
	Làm ruộng	211	39,3
	Làm mướn	52	9,7
	Học sinh - sinh viên	4	0,7
	Nội Trợ	136	25,3
	Thất nghiệp	22	4,1
	Khác	42	7,8
Dân tộc	Kinh	527	98,1
	Hoa	4	0,7
	Khmer	6	1,1

Nhận xét: Người dân ≤ 60 tuổi chiếm tỉ lệ cao nhất (70,56%). Tỷ lệ nam-nữ xấp xỉ nhau (50,7%) với (49,3%). Về học vấn, Trung học cơ sở cao nhất (37,1%). Về kinh tế, không nghèo chiếm cao nhất (96,8%) và Nghèo chiếm thấp nhất (0,4%). Về nghề nghiệp, làm ruộng cao nhất (39,3%) và thấp nhất là học sinh (0,7%). Về dân tộc, chiếm cao nhất là Kinh (98,1%).

3.2. Kiến thức và thực hành về phòng chống bệnh sốt xuất huyết dengue của

người dân

3.2.1. Kiến thức về phòng chống bệnh sốt xuất huyết dengue của người dân

Bảng 2. Kiến thức về bệnh sốt xuất huyết dengue của người dân

Kiến thức về bệnh sốt xuất huyết Dengue của người dân	Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
Biểu hiện, triệu chứng của sốt xuất huyết	530	98,70
Biết về sự nguy hiểm của sốt xuất huyết	490	91,23
Biết nguyên nhân là do virus dengue	145	27,00
Biết đường lây truyền qua muỗi đốt	489	91,10
Biết nguồn lây là muỗi vằn (Aedes aegypti)	389	72,44
Biết thời gian muỗi hoạt động trong ngày	304	56,61

Nhận xét: Hầu hết người dân biết về biểu hiện triệu chứng, sự nguy hiểm, đường lây truyền của sốt xuất huyết dengue (lần lượt là 98,70%; 91,23%; 91,10%). Tuy nhiên, không có kiến thức về nguyên nhân do virus dengue chiếm (27,00%).

Tỷ lệ người dân có kiến thức đúng về bệnh sốt xuất huyết là (68%) và chưa đúng là (32%).

3.2.2. Thực hành phòng ngừa về bệnh sốt xuất huyết dengue của người dân

Bảng 3. Thực hành phòng ngừa về bệnh sốt xuất huyết dengue của người dân

Thực hành phòng ngừa về bệnh Sốt xuất huyết dengue của người dân	Tần số	Tỷ lệ (%)
Phương pháp diệt lăng quăng	Đậy kín vật chứa nước	488 90,88
	Súc rửa thường xuyên vật chứa nước	338 62,94
	Thả cá	293 54,56
	Thả meso	87 16,20
	Vớt bỏ lăng quăng	274 51,02
	Bỏ muỗi hoặc dầu vào chén nước chống kiến	147 27,37
Phòng muỗi đốt và diệt	Xịt thuốc diệt muỗi	439 81,75
	Sử dụng vợt điện	300 55,87
	Sử dụng nhang xua muỗi	415 77,28
	Thoa thuốc xua muỗi	269 50,09

Bảng 5. Mối liên quan giữa đặc điểm của đối tượng nghiên cứu với kiến thức phòng chống bệnh Sốt xuất huyết Dengue

Đặc điểm		Kiến thức đúng		Chưa đúng		OR (KTC 95%)	P
		n	%	n	%		
Giới tính	Nam	185	67,3	90	32,7	0,889 (0,62 - 1,28)	0,525
	Nữ	185	69,8	80	30,2		
Tuổi	≤60	285	74,6	97	25,4	2,52 (1,71 - 3,72)	<0,001
	>60	85	53,8	73	46,2		
Truyền thông	Có	366	69,6	160	30,4	5,72 (1,7 - 18,5)	0,001
	Không	4	28,6	10	71,4		
Tổng		370	68,5	170	31,5		

muối	Ngủ mùng (kể cả ban ngày)	347	64,62
	Quạt máy	256	47,67
	Mặc quần áo dài tay	182	33,89
Loại bỏ nơi muỗi trú ẩn	Sắp xếp quần áo, đồ dùng cá nhân ngăn nắp	357	66,48
	Dọn dẹp nhà cửa gọn gàng, ngăn nắp, sạch thoáng	388	72,25
	Thu gom các vật phế thải quanh nhà	417	77,65

Nhận xét: Hầu hết người dân diệt lăng quăng bằng cách đậy kín vật chứa nước (90,88%), phòng muỗi đốt và diệt muỗi bằng cách xịt thuốc diệt muỗi (81,75%), loại bỏ nơi trú ẩn bằng cách dọn dẹp nhà cửa gọn gàng, ngăn nắp, sạch thoáng (72,25%), tuy nhiên tỷ lệ người dân thả meso, mặc quần áo dài tay chưa cao (16,20% và 33,89%).

Tỷ lệ người dân thực hành đúng về phòng ngừa bệnh sốt xuất huyết dengue là (61%) và chưa đúng là (39%).

3.2.3. Các nguồn thông tin tiếp cận đến người dân về bệnh Sốt xuất huyết Dengue

Bảng 4. Các nguồn thông tin tiếp cận đến người dân về bệnh Sốt xuất huyết Dengue

Các nguồn thông tin	Tần số	Tỷ lệ (%)
Ti vi (Truyền hình)	456	84,9
Sách báo	138	25,7
Loa, đài của xã, phường	241	44,9
Tranh ảnh, tờ rơi, khẩu hiệu, áp phích	120	22,3
Cán bộ y tế xã	230	42,8
Nhân viên y tế xã, tổ áp	199	37,1
Tình nguyện viên sức khỏe cộng đồng	115	21,4
Cán bộ ngành đoàn thể tại xã, ấp	62	11,5

Nhận xét: Ti vi (Truyền hình) là nguồn thông tin chiếm tỷ lệ cao nhất (84,9%), tuy nhiên thông tin từ cán bộ ngành đoàn thể tại xã, ấp chiếm thấp nhất (11,5%).

3.3. Một số yếu tố liên quan đến kiến thức, thực hành về bệnh Sốt xuất huyết Dengue của người dân TP.Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang

Nhận xét: Có mối liên quan giữa tuổi và truyền thông đối với kiến thức phòng chống Sốt xuất huyết của người dân, cụ thể những người dưới 60 tuổi có tỷ số chênh kiến thức đúng cao hơn 2,52 lần so với người trên 60 tuổi (OR = 2,52;

KTC 95%: 1,71 - 3,72) và những người được truyền thông có tỷ số chênh kiến thức đúng cao hơn 5,75 lần so với nhóm không được truyền thông (OR = 5,72; KTC 95%: 1,7 - 18,5). Sự khác biệt giữa các nhóm có ý nghĩa thống kê ($P < 0,05$).

Bảng 6. Mối liên quan giữa đặc điểm của đối tượng nghiên cứu với thực hành phòng chống bệnh Sốt xuất huyết Dengue

Đặc điểm		Thực hành đúng		Chưa đúng		OR (KTC 95%)	P
		n	%	n	%		
Giới tính	Nam	177	64,4	98	35,6%	1,282 (0,906 - 1,81)	0,161
	Nữ	155	58,5	110	41,5%		
Tuổi	≤60	237	62,0	145	38,0%	1,08 (0,74 - 1,58)	0,677
	>60	95	60,1	63	39,9%		
Truyền thông	Có	327	62,2	199	37,8%	2,958 (1 - 8,95)	0,045
	Không	5	35,7	9	64,3%		
Tổng		332	61,5	208	38,5		

Nhận xét: Có mối liên quan giữa truyền thông và thực hành của người dân. Cụ thể, người dân được tiếp cận truyền thông có tỷ lệ thực hành đúng cao hơn (62,2%) so với người không tiếp cận (35,7%), với OR = 2,958 và $P = 0,045$, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($P = 0,045$).

Bảng 7. Mối liên quan giữa kiến thức với thực hành phòng chống bệnh Sốt xuất huyết Dengue

Kiến thức	Thực hành đúng		Chưa đúng		OR (KTC 95%)	P
	n	%	n	%		
Đúng	242	65,4	128	34,6	1,68 (1,16 - 2,43)	0,006
Chưa đúng	90	52,9	80	47,1		
Tổng	332	61,5	208	38,5		

Nhận xét: Có mối liên quan giữa kiến thức và thực hành về phòng chống Sốt xuất huyết của người dân, cụ thể những người có kiến thức đúng có số chênh thực hành đúng cao hơn 1,68 lần người có kiến thức chưa đúng, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($P = 0,006$).

IV. BÀN LUẬN

4.1. Đặc điểm chung của dân số nghiên cứu. Nghiên cứu của chúng tôi ghi nhận tỷ lệ nam (50,7%) cao hơn nữ (49,3%), tương đồng với nghiên cứu của Vương Văn Quang (2021) [6] (nam 61,7%, nữ 38,3%) và Lâm Văn Dũng (2023) [2] (nam 53,5%, nữ 46,5%). Nhóm tuổi ≤ 60 chiếm tỷ lệ cao nhất (70,56%), khác biệt với nghiên cứu của Vương Văn Quang (2021) [6] (nhóm ≥ 50 tuổi cao nhất, 43,7%), Lâm Văn Dũng (2023) [2] (≥ 50 tuổi, 57,7%), và Lê Thành Tài (2008) [4] (> 35 tuổi, 62,6%). Về trình độ học vấn, Trung học cơ sở chiếm tỷ lệ cao nhất (37,1%) và mù chữ thấp nhất (5,6%), tương đồng với nghiên cứu của Lâm Văn Dũng (2023) [2] (Trung học cơ sở 42,2%) nhưng khác

biệt với Vương Văn Quang (2021) [6] (cấp I cao nhất, 40,3%). Tình trạng kinh tế của đối tượng nghiên cứu chủ yếu là không nghèo (96,8%), tương đồng với Lâm Văn Dũng (2023) [2] (98,3%). Về nghề nghiệp, làm ruộng chiếm tỷ lệ cao nhất (39,3%), tương đồng với nghiên cứu của Lê Thanh Hải (2018) [3] (54,4%) nhưng khác biệt với Vương Văn Quang (2021) [6], nơi nghề nội trợ chiếm cao nhất (42,6%).

4.2. Kiến thức, thái độ và thực hành phòng ngừa Sốt xuất huyết Dengue của người dân. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi trên 537 đối tượng cho thấy tỷ lệ kiến thức chung đúng về phòng bệnh sốt xuất huyết dengue (Sốt xuất huyết Dengue) là (68,3%). Tỷ lệ này cao hơn so với nghiên cứu của Vương Văn Quang (2021) [6] (32,2%) và Lê Thanh Hải (2018) [3] (57,46%), tương đương với kết quả nghiên cứu của Bùi Quách Yến (2022) [1] (65,2%) và thấp hơn so Lâm Văn Dũng (2023) [2] (77,7%). Điều này phản ánh sự khác biệt về hiệu quả của các chương trình truyền thông giáo dục sức khỏe cũng như đặc điểm dân cư tại từng khu vực nghiên cứu.

Thực hành là yếu tố quyết định các hành vi liên quan đến tình trạng bệnh tật và dịch tễ tại địa phương. Trong nghiên cứu của chúng tôi, tỷ lệ thực hành đúng đạt (61,5%), cao hơn đáng kể so với nghiên cứu của Lê Thành Tài (2008) với (22,1%) [4], Vương Văn Quang (2021) là (37,8%) [6] và Lâm Văn Dũng (2023) là (44,5%) [2]. Kết quả này cho thấy tín hiệu đúng trong nhận thức và thực hành phòng bệnh Sốt xuất huyết Dengue của người dân, đồng thời khẳng định vai trò quan trọng của các chiến dịch nâng cao nhận thức cộng đồng trong việc cải thiện hành vi phòng bệnh.

4.3. Một số yếu tố liên quan đến kiến

thức, thực hành về bệnh Sốt xuất huyết Dengue của người dân tại TP.Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang. Kết quả nghiên cứu cho thấy nhóm người dưới 60 tuổi có tỷ lệ kiến thức đúng về phòng chống sốt xuất huyết (Sốt xuất huyết) cao hơn nhóm trên 60 tuổi (74,6% so với 53,8%), với $OR = 2,52$ và $P < 0,001$. Điều này cho thấy người trẻ có khả năng tiếp cận thông tin hiệu quả hơn, nhấn mạnh sự cần thiết của việc thiết kế các chương trình truyền thông phù hợp cho người cao tuổi. Truyền thông đóng vai trò quan trọng trong nâng cao nhận thức, khi tỷ lệ kiến thức đúng ở nhóm tiếp cận truyền thông (69,6%) cao hơn đáng kể so với nhóm không tiếp cận (28,6%), với $OR = 5,72$ và $P = 0,001$. Không chỉ vậy, truyền thông còn tác động đến thực hành, với $OR = 2,958$ ($P = 0,045$), cho thấy người tiếp cận truyền thông có thực hành đúng cao gấp 2,958 lần. Ngoài ra, kiến thức đúng có mối liên hệ chặt chẽ với thực hành đúng ($OR = 1,68$; $P = 0,006$), kết quả của chúng tôi tương đồng với tác giả Lâm Văn Dũng (2023), những người có kiến thức đúng có thực hành đúng cao hơn với ($OR = 2,232$, $P < 0,001$) [2] và Lê Thành Tài (2007) [4]. Kết quả này nhấn mạnh vai trò của truyền thông và giáo dục sức khỏe trong cải thiện kiến thức và thực hành, từ đó góp phần kiểm soát và phòng ngừa Sốt xuất huyết hiệu quả hơn trong cộng đồng.

V. KẾT LUẬN

Kiến thức và thực hành đúng về chống sốt xuất huyết dengue của người dân trên địa bàn khá tốt, nhưng vẫn cần có biện pháp đẩy mạnh

hơn nữa các biện pháp truyền thông nhằm nâng cao kiến thức và thực hành của người dân về phòng, chống dịch bệnh sốt xuất huyết.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Bùi Quách Yến, Nguyễn Khánh Linh, Võ Nguyễn Huyền Trân, Đặng Thanh Thảo, Dương Phương Nhi, Lâm Nhật Anh, Lê Minh Hữu** (2022), Kiến thức, thái độ, thực hành và các yếu tố liên quan đến phòng chống sốt xuất huyết dengue của người dân tại xã Giai Xuân, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ năm 2021. Tạp chí Y Dược học Cần Thơ. (50), 40-47.
2. **Lâm Văn Dũng, Nguyễn Trung Nghĩa** (2023), Nghiên cứu kiến thức, thái độ, thực hành về phòng chống sốt xuất huyết dengue của người dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long năm 2022-2023. Tạp chí Y Dược học Cần Thơ. Năm (66), 157-163.
3. **Lê Thanh Hải, Hồ Thị Kim Liên, và cộng sự** (2018), Đề tài nghiên cứu kiến thức, thái độ, hành vi của người dân, tại khu phố 9 phường Tân Quý, quận Tân Phú, TP.HCM về phòng chống sốt xuất huyết tháng 04- năm 2018. Trường Đại học Y Khoa Phạm Ngọc Thạch.TP.HCM.
4. **Lê Thành Tài, Nguyễn Thị Kim Yến** (2008), Kiến thức, thái độ, thực hành và một số yếu tố liên quan đến phòng sốt xuất huyết dengue của người dân xã Mỹ Khánh, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ - năm 2007. Tạp chí Y Học TP. Hồ Chí Minh. Tập 12. Phụ bản số 4, 45-49.
5. **Nguyễn Trọng Nghĩa, Nguyễn Minh Phương, Lê Thị Kim Định** (2023). Phân tích chi phí điều trị trực tiếp liên quan đến sốt xuất huyết dengue nặng tại bệnh viện nhi đồng Đồng Nai năm 2022. Tạp chí Y học Việt Nam. 530(2).
6. **Vương Văn Quang** (2021), Khảo sát chỉ số bỏ gây, kiến thức, thái độ, thực hành và các yếu tố liên quan đến phòng chống sốt xuất huyết dengue của người dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng năm 2020-2021. Tạp chí Y Dược học Cần Thơ. số 38, 40-85.

KHẢO SÁT TẦN SUẤT ĐỘT BIẾN GEN BETA GLOBIN TẠI BỆNH VIỆN NHI THANH HÓA NĂM 2022-2023

Trần Thị Hải Yến¹, Nguyễn Thị Minh Hạnh², Nguyễn Thanh Tâm³,
Hoàng Ngọc Thành¹, Nguyễn Thu Hằng⁴, Nguyễn Thị Trang¹,
Tạ Thị Kim Nhung¹, Lê Thị Quyên⁵

TÓM TẮT

¹Trường Đại học Y Hà Nội

²Bệnh viện Châm cứu Trung ương

³Bệnh viện Nhi Thanh Hóa

⁴Bệnh viện A Thái Nguyên

⁵Bệnh viện Nam học và Hiếm muộn Hà Nội

Chịu trách nhiệm chính: Lê Thị Quyên

Email: le.quyen2494@gmail.com

Ngày nhận bài: 5.3.2025

Ngày phản biện khoa học: 15.4.2025

Ngày duyệt bài: 13.5.2025

Đặt vấn đề: Thanh Hóa là một trong những địa phương có tỷ lệ bệnh beta thalassemia cao nhất trong cả nước, bệnh là gánh nặng vô cùng lớn với gia đình và xã hội. PCR đa mồi là kỹ thuật được sử dụng phổ biến nhằm phát hiện đột biến gây bệnh beta thalassemia. **Mục tiêu:** Xác định tần suất một số biến thể gây bệnh beta thalassemia thường gặp và đánh giá một số chỉ số xét nghiệm liên quan. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** 344 bệnh nhân thiếu máu hồng cầu nhỏ nhược sắc có nghi ngờ beta-thalassemia được xét nghiệm gen β -globin tại Bệnh viện Nhi Thanh Hóa. Kỹ thuật PCR đa mồi được sử dụng để phát hiện các đột biến gen thường gặp. **Kết**